

BÁO CÁO

**Công tác quản lý nhà nước về khoáng sản và
tình hình hoạt động khoáng sản năm 2018**

I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHOÁNG SẢN

1. Công tác ban hành văn bản quản lý và tuyên truyền phổ biến pháp luật về khoáng sản

a) Các văn bản quản lý đã ban hành

- Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Phương án quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 10/7/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về đấu giá quyền khai thác cát, sỏi lòng sông làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Ngãi năm 2019, 2020.

- Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt, công bố Hồ sơ Khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

b) Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản được tiến hành thường xuyên, thông qua việc phối hợp với UBND cấp huyện, thành phố và UBND cấp xã, phường trong công tác kiểm tra và phổ biến pháp luật về khoáng sản tại các địa phương nơi có hoạt động khoáng sản và công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác.

2. Công tác lập, phê duyệt quy hoạch khoáng sản

Đối với quy hoạch khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp tỉnh, năm 2017 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 09/8/2017 của phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm VLXD thông thường tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

3. Công tác cấp phép hoạt động khoáng sản

a) Công tác tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản

UBND tỉnh tổ chức đấu giá thành 01 mỏ cát, sỏi lòng sông làm VLXD thông thường, cụ thể: Mỏ cát thôn 6, xã Nghĩa Dũng, thành phố Quảng Ngãi;

diện tích 11,4 ha; trữ lượng 219.418 m³; tổ chức trúng đấu giá: Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hợp Nghĩa; giá trúng đấu giá: 18.122.000.000 đồng.

b) Công tác tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản

UBND tỉnh đã tiếp nhận 72 hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động khoáng sản (đá xây dựng; cát, sỏi lòng sông và đất đồi dùng làm vật liệu san lấp mặt bằng công trình, dự án); cụ thể như sau:

Trong đó:

- 03 hồ sơ cấp Giấy phép thăm dò;
- 19 hồ sơ phê duyệt trữ lượng;
- 21 hồ sơ cấp Giấy phép khai thác (cấp mới);
- 06 hồ sơ gia hạn Giấy phép khai thác;
- 01 hồ sơ chuyển nhượng quyền khai thác;
- 09 hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;
- 13 hồ sơ xác nhận khu vực khoáng sản.

c) Công tác tính, thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

UBND tỉnh đã phê duyệt 42 hồ sơ đăng ký kê khai nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản làm VLXD thông thường (đất, đá, cát sỏi lòng sông; đất sét cải tạo đồng ruộng); trong đó tổng số tiền cấp quyền phê duyệt năm 2018 là: 42.158.811.819 đồng; tổng số tiền phê duyệt phải thu năm 2018 là 41.018.852.289 đồng, cụ thể như sau:

TT	Tên, loại khoáng sản	Tổng số tiền cấp quyền phê duyệt năm 2018 (đồng)	Số tiền cấp quyền phê duyệt phải nộp trong năm 2018 (đồng)
1	Đất làm vật liệu san lấp mặt bằng, xây dựng công trình 14 hồ sơ	4.789.849.438	4.789.849.438
2	Cát xây dựng có 05 hồ sơ	27.080.586.000	27.080.586.000
3	Đá xây dựng có 03 hồ sơ	5.386.352.755	4.246.393.225
4	Tiền cấp quyền đăng kí khối lượng, công suất, khu vực 20 hồ sơ;	4.902.023.626	4.902.023.626
	TỔNG CỘNG	42.158.811.819	41.018.852.289

4. Công tác thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật về khoáng sản

a) Về số đợt thanh kiểm tra:

Đã thực hiện 13 cuộc thanh tra, kiểm tra tại 26 đơn vị trên địa bàn tỉnh; trong đó: 02 cuộc thanh tra theo kế hoạch tại 8 tổ chức và 11 cuộc kiểm tra đột xuất tại 17 tổ chức; 01 cá nhân.

b) Kết quả thi hành quyết định XPVPHC:

Qua kết quả thanh tra, kiểm tra đã phát hiện 14 tổ chức và 01 cá nhân có hành vi vi phạm trong hoạt động khoáng sản với các hành vi vi phạm chủ yếu như khai thác vượt ranh giới cấp phép, khai thác không có giấy phép; không lập bản đồ hiện trạng mỏ, không lập phương án phục hồi môi trường, không cắm mốc, cắm thiếu mốc khép góc khu vực khai thác. Qua đó, đã lập biên bản và xử phạt vi phạm với tổng số tiền là 702 triệu đồng, truy thu số tiền 70.028.865 đồng có được do vi phạm (Trong đó, Chánh Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường quyết định xử phạt 01 cá nhân, 09 tổ chức vi phạm với tổng số tiền phạt là 202 triệu đồng, truy thu số tiền 41.888.865 đồng; Chủ tịch UBND tỉnh xử phạt 02 tổ chức với tổng số tiền 500 triệu đồng, truy thu số tiền 28.140.000 đồng).

5. Công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương có liên quan tăng cường công tác quản lý nhà nước về hoạt động khoáng sản và bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; tăng cường công tác kiểm tra, chấn chỉnh tình trạng khai thác cát, sỏi lòng sông trái phép trên địa bàn và chỉ đạo UBND các huyện, thành phố phối hợp với UBND cấp xã, phường, thị trấn nghiêm túc triển khai thực hiện Quyết định 989/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Phương án quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

6. Đánh giá chung về thuận lợi, khó khăn và tồn tại

a) Đánh giá chung về những thuận lợi:

- Quy hoạch khoáng sản của tỉnh đã được phê duyệt, là cơ sở cho việc xem xét cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; công tác cấp phép hoạt động khoáng sản đảm bảo trên cơ sở quy hoạch khoáng sản đã được phê duyệt và quy định của pháp luật về khoáng sản.

- Hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh đã dần đi vào nề nếp ổn định; trình trạng khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn tỉnh giảm mạnh; việc xác định khoáng sản khai thác thực tế hàng năm tại các mỏ đã từng bước được kiểm soát.

b) Những khó khăn, tồn tại:

- Các quy định của pháp luật về khoáng sản hiện nay còn nhiều bất cập, chưa sát hợp với thực tiễn, chậm sửa đổi, bổ sung, làm ảnh hưởng đến công

tác quản lý nhà nước về khoáng sản tại địa phương (Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản và Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản).

- Về trách nhiệm quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác của UBND các cấp (cấp huyện, xã, theo quy định tại Điều 19 của Luật Khoáng sản) chưa thực hiện tốt; tình trạng khai thác khoáng sản trái phép vẫn còn diễn ra tại các địa phương, nhưng chưa có cơ chế xử lý trách nhiệm của người đứng đầu.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

1. Công tác thăm dò khoáng sản

- UBND tỉnh đã cấp 03 Giấy phép thăm dò đá làm vật liệu xây dựng thông thường cho 03 tổ chức.

(Phụ lục 1: Bảng số liệu tổng hợp về kết quả thăm dò khoáng sản đối với Giấy phép UBND tỉnh cấp kèm theo).

2. Công tác khai thác khoáng sản

- Tổng hợp số lượng Giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực.

(Phụ lục 2: Bảng số liệu tổng hợp về Giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực kèm theo).

- Đánh giá về những kết quả đạt được: Trong năm qua UBND tỉnh đã cấp phép khai thác khoáng sản làm VLXD thông thường cho các tổ chức, cá nhân kịp thời; cung ứng rất lớn nguồn VLXD cho việc thi công các công trình, dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh; đồng thời đóng góp nguồn lực góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

- Những khó khăn và tồn tại của các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản:

+ Về thời gian, phương thức thu, nộp tiền và số lần nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo hướng dẫn tại Nghị định số 203/2013/NĐ-CP của Chính phủ đã gây bất lợi cho các doanh nghiệp tham gia hoạt động khai thác khoáng sản;

+ Một số doanh nghiệp đã có quyết định phê duyệt nộp tiền khai thác khoáng sản, nhưng chậm nộp tiền vào ngân sách nhà nước và không nghiêm túc thực hiện lập Báo cáo định kỳ trong hoạt động khai thác khoáng sản.

3. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản năm 2018, cụ thể:

TT	Tên các nguồn thu	Tổng tiền	Ghi chú
1	Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản năm 2018	82.314.489.954	Đã thu

2	Tổng số tiền thuế tài nguyên	104.374.056.376
3	Tổng số tiền phí bảo vệ môi trường	37.381.703.060
4	Tổng số tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường	10.700.000.000
5	Tổng số tiền trúng đấu giá quyền khai thác cát, sỏi lòng sông	18.122.000.000
	TỔNG CỘNG	252.892.249.390

III. BÁO CÁO VIỆC THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO TẠI CHỈ THỊ SỐ 03/CT-TTg NGÀY 30/3/2015 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. Công tác rà soát, điều chỉnh quy hoạch khoáng sản thuộc thẩm quyền theo quy định của Luật Khoáng sản; hoàn thành việc khoanh định, phê duyệt khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

- Về việc rà soát, điều chỉnh quy hoạch khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh: UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Xây dựng tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm VLXD thông thường tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 09/8/2017; tập trung rà soát quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 642/VPCP-NC ngày 23/01/2019 về việc kết quả thực hiện Kế hoạch về cao điểm xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực khai thác cát, sỏi.

- Công tác khoanh định, phê duyệt khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh: UBND tỉnh đã hoàn thành công tác lập Hồ sơ khoanh định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo đúng quy định tại Điều 23, 24, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại nội dung 2, Công văn số 876/TTg-CN ngày 10/7/2018, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 về việc phê duyệt, công bố Hồ sơ Khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Về việc đăng ký khối lượng cát thu hồi trong diện tích các dự án nạo vét, khơi thông luồng theo quy định tại Khoản 2 Điều 64 Luật khoáng sản và việc bãi bỏ quy định cấm, tạm cấm vận chuyển khoáng sản ra khỏi địa phương

- Trên địa bàn tỉnh không có doanh nghiệp đăng ký khối lượng cát thu hồi trong diện tích các dự án nạo vét, khơi thông luồng theo quy định tại Khoản 2 Điều 64 Luật Khoáng sản;

- Thực hiện nghiêm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc bãi bỏ quy định cấm, tạm cấm vận chuyển khoáng sản ra khỏi địa phương, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành văn bản chỉ đạo số 200/UBND-NNTN ngày 15/01/2013 về việc bãi bỏ các quy định cấm, tạm thời cấm vận chuyển khoáng sản ra khỏi địa phương.

3. Xây dựng phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn, trong đó quy định rõ trách nhiệm người đứng đầu chính quyền các cấp, đặc biệt là cấp xã; kiểm tra, giám sát Ủy ban nhân dân cấp dưới trong công tác quản lý nhà nước về khoáng sản

Nhằm tăng cường công tác quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 về việc ban hành Phương án quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh để các sở, ngành và địa phương triển khai thực hiện công tác quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh.

IV. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG NƠI KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

1. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản

Các doanh nghiệp đã thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi đầy đủ, kịp thời, đúng pháp luật; trong năm không có tình trạng khiếu nại, tố cáo do công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư về sử dụng đất trong hoạt động khoáng sản.

2. Số lao động sử dụng và thu nhập bình quân/năm

Số lao động sử dụng bình quân trong năm khoảng 1.000 lao động; thu nhập bình quân 60 triệu đồng/người/năm.

3. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đường sá, cầu cống)

Đối với các mỏ khai thác đá làm VLXD thông thường hầu hết đã đầu tư nâng cấp; thâm nhập nhựa hoặc cấp phối đá đoạn đường từ mỏ ra đến đường giao thông chính trong khu vực. Riêng đối với các mỏ khai thác đất làm vật liệu san lấp; khai thác cát, sỏi lòng sông do có thời hạn khai thác ngắn (dưới 3 năm), các chủ mỏ đầu tư nâng cấp bằng hình thức san gạt, rải đá mi, bụi gia cố mặt đường.

4. Xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....)

Các doanh nghiệp khai thác khoáng sản đã trực tiếp đầu tư, hỗ trợ đầu tư xây dựng nhiều tuyến đường giao thông, phục vụ dân sinh nơi có khai thác

khoáng sản, góp phần xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

5. Bảo vệ môi trường trong khai thác và phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản

Công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác đã được các chủ mỏ quan tâm thực hiện; đối với các mỏ sau khi kết thúc khai thác được các chủ mỏ tiến hành công tác cải tạo, phục hồi môi trường và lập thủ tục đóng cửa mỏ theo quy định.

V. CÁC ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:

Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, trình Thủ tướng Chính phủ:

1. Xem xét tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản với hành thức: Giảm thời gian nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong năm hoặc hình thức nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo năm khai thác, để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ có cơ hội tiếp tục đầu tư khai thác khoáng sản.

2. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung không phù hợp với thực tiễn quy định tại Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản và Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCTUBND tỉnh;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản;
- Cục Kiểm soát hoạt động khoáng sản miền Trung;
- Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Xây dựng;
- VPUB: CVP, PCVP, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN (Vũ 93).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tăng Bính

Phụ lục 1

**BẢNG SO SẪU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐỐI
LỚI GIẤY PHÉP UBND TỈNH CẤP NĂM 2018**



(theo Báo cáo số 31 /BC-UBND ngày 26 /02/2019
của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Số Quyết định	Ngày cấp	Loại khoáng sản	Diện tích khu vực thăm dò (ha)	Vị trí hành chính khu vực được cấp phép	Ghi chú
1	09/GP-UBND	22/02/2018	Đá làm VLXD thông thường	11,1	Phước Hòa 2, xã Bình Trị và Bình Đông, huyện Bình Sơn	
2	57/GP-UBND	23/8/2018	Đá làm VLXD thông thường	5,17	Khu vực đoạn cuối tuyến Tri Bình – Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn	
3	58/GP-UBND	27/8/2018	Đá làm VLXD thông thường	11,0	Xã Bình Đông, huyện Bình Sơn	



Phụ lục 2

BẢNG SƠ LƯỢC CÁC HỢP VỀ GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN CÒN HIỆU LỰC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẾN 31/12/2018

Số: 31 /BC-UBND ngày 26 /02/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

STT	Số giấy phép, ngày cấp	Loại khoáng sản	Tên đơn vị được cấp phép	Vị trí khu vực khai thác	Diện tích khai thác (ha)	Trữ lượng (m ³)	Công suất khai thác (m ³ /năm)	Ghi chú
I Giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường								
1	441/GP-BTNMT, ngày 29/3/2007; Gia hạn 1174/GP-BTNMT ngày 13/4/2018	Nước khoáng nóng	Công ty CP Đường Quảng Ngãi	Khu vực Thạch Bích, xã Trà Bình, huyện Trà Bồng	ĐL601		196m ³ /ngày (Cấp B)	
2	30/GP-BTNMT, ngày 09/01/2017		Công ty TNHH Hương Trà	Lỗ khoan BĐ1, thôn Bình Đông, xã Trà Bình, huyện Trà Bồng	Lỗ khoan BĐ1	594m ³ /ngày (Cấp B)	130m ³ /ngày	
II Giấy phép tỉnh cấp								
1	54/GP-UBND ngày 02/8/2017	Cát làm VLXD thông thường	Công ty CP Phát triển bất động sản phát Đạt	Phường Lê Hồng Phong, Tp Quảng Ngãi	4,224	31.508	49.000	Dự án
2	50/GP-UBND ngày 28/7/2017	Cát làm VLXD thông thường	Công ty CP Đầu tư XD Dịch vụ Đông Phương	Thôn Thanh Khiết, xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa	3,2	324.552	34,000	Đấu giá
3	66/GP-UBND ngày 24/10/2017	Cát làm VLXD thông thường	Công ty Cổ phần Đầu tư hà Mỹ Á	Xã Nghĩa Thuận, huyện Tư Nghĩa	7,44	95.775	43.338	Quyết định Điều chỉnh Giấy phép số 99/QĐ - UBND ngày 22/01/2018
4	62/GP-UBND ngày 22/9/2017	Cát làm VLXD thông thường	Công ty TNHH MTV Thạch An	Thôn Long Tân Trung, xã Ba Động, huyện Ba Tư	01	10.000	10.000	Đấu giá

5	46/GP-UBND ngày 15/7/2016	Cát làm VLXD thông thường	Công ty TNHH XL và TM Thành Phát	Thôn Làng Mùng, xã Sơn Bao, huyện Sơn Hà	1,7	8.345	4.500	Dự án
6	57/GP-UBND ngày 9/8/2016	Cát làm VLXD thông thường	Công ty TNHH ĐT&XD BK Sơn Hà	Thôn Gò Găng, xã Sơn Thượng, huyện Sơn Hà	3,97	23.676	311.838	Dự án
7	60/GP-UBND ngày 01/9/2016	Cát làm VLXD thông thường	Công ty Thành An 119	Lô 1-Doi 10 phường Lê Hong Phong và phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi	15,0	302.619,53	152.000	Dự án
8	01/GP-UBND ngày 04/01/2018	Cát làm VLXD thông thường	Công ty TNHH Sản xuất XD và TM Việt Nhật	thôn Bắc Lân, xã ba Động, huyện Ba Tư	1,0	10.000	10.000	Đấu giá
9	03/GP-UBND ngày 17/01/2018	Cát làm VLXD thông thường	Công ty CP ĐT và Phát triển hạ tầng 179	Phía Tây Doi 10, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi	8,53	154.054,8	45.000	Dự án
10	19/GP-UBND ngày 19/3/2018	Cát làm VLXD thông thường	Công ty CP Phương Hong	Thôn 1, xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa	2,7903	33.401,74	33.401,74	Đấu giá
11	14/GP-UBND ngày 13/3/2018	Cát làm VLXD thông thường	Công ty TNHH MTV VT Thiên phước	Thôn Tân Phước, xã Bình Minh, huyện Bình Sơn	1,34	18.046	18.046	Đấu giá
12	25/GP-UBND ngày 04/4/2018	Cát làm VLXD thông thường	Công ty CP SX TM và Dv Đại Nguyên	Tổ dân phố Vạn Mỹ, thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa	8,261	119.235	40.000	Đấu giá
13	43/GP-UBND ngày 21/6/2018	Cát làm VLXD thông thường	Công ty CP ĐT XD Phú An Lộc	Thôn Thạch An, xã Bình Mỹ, huyện Bình Sơn	6,42	76.928,78	38.500	Đấu giá (chuyên nhượng từ Công ty TNHH MTV Khánh Ly)

14	40/GP-UBND ngày 15/6/2018	Cát làm VLXD thông thường	Công ty TNHH MTV Hân Nga	Thôn Ngân Giang, xã Tĩnh Hà, huyện Sơn Tĩnh	4,5	49.000	49.000	
15	47/GP-UBND ngày 09/7/2018	Cát làm VLXD thông thường	Công ty CP ĐT PT và Thương mại Bình Minh Miền Trung	Xã Tĩnh An, thành phố Quảng Ngãi	5,96	95.211	49.000	
16	61/GP-UBND ngày 19/9/2018	Cát làm VLXD thông thường	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hợp Nghĩa	Phường Nghĩa Chánh, thành phố Quảng Ngãi	13,15	142.330	49.000	
17	52/GP-UBND ngày 27/7/2018	Cát làm VLXD thông thường	Công ty TNHH MTV XD và Thương mại Quang Đất Việt	Thôn Nam Phước, xã Nghĩa Thuận, huyện Tư Nghĩa	6,7005	89.600	44.800	
18	14/GP-UBND ngày 24/2/2017	Đất đồi làm VLSL	Công ty CP TM Phú Trường	Núi Lệ Thủy, thôn Lệ Thủy, xã Tĩnh Châu, thành Phố Quảng Ngãi	5,246	215.434	70.000	
19	26/GP-UBND ngày 28/4/2017	Đất đồi làm VLSL	Công ty TNHH Phước Thịnh	Thôn An Hội Nam 2, xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	3,04	72.900	40.000	
20	28/GP-UBND ngày 11/5/2017	Đất đồi làm VLSL	Công ty TNHH Trung Nam Phong	Thôn Thượng Hòa, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn	8,54	554.982	250.000	
21	29/GP-UBND ngày 12/5/2017	Cát đồi làm VLSL	Công ty TNHH Trung Nam Phong	Thôn Hải Ninh, xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn	4	98.858	49.429	Gia hạn Giấy phép số 50/GP- UBND ngày 17/7/2 018
22	51/GP-UBND ngày 28/7/2017	Đất đồi làm VLSL	Công ty TNHH MTV XD Thương mại Tuấn Đạt	Núi Đồng Nà, thôn Phú Lộc, xã Tĩnh Phong, huyện Sơn Tĩnh	7,2	258.192	97.000	

23	36/GP-UBND ngày 08/6/2017	Đất đòi làm VLSS	Công ty TNHH Minh Huy	Thôn Thiệp Sơn, xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	2,0	125.722	46.500	
24	45/GP-UBND ngày 17/7/2017	Đất đòi làm VLSS	Công ty TNHH Minh Mẫn	Núi Trại Thiệt, thôn An Hội Nam 2, xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	1,17	111.358	65.000	
25	73/GP-UBND ngày 17/11/2017	Đất đòi làm VLSS	Công ty CP Đầu tư và Phát triển hạ tầng 179	Núi Chùa, thôn Khánh Lâm, xã Tịnh Thiện, thành phố Quảng Ngãi	2,7996	160.456	88.000	
26	64/QĐ-UBND ngày 12/10/2017	Đất đòi làm VLSS	Công ty TNHH 1 TV Chiêu Kỳ	Thôn Long Xuân, xã Bình Long, huyện Bình Sơn	2,45	91.932	50.000	Gia hạn Giấy phép số 45/GP- UBND ngày 21/9/2 015
27	72/GP-UBND ngày 15/11/2017	Đất đòi làm VLSS	Công ty TNHH MTV XL An Lộc Phát	Thôn Phi Hiển, xã Phổ Vinh, huyện Đức Phổ	2,9885	141.082	65.000	
28	79/GP-UBND ngày 30/11/2017	Đất đòi làm VLSS	Công ty TNHH Bách Bằng	Thôn Thanh Bình, xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ	0,989	37.981	37.981	
29	77/GP-UBND ngày 30/11/2017	Đất đòi làm VLSS	Công ty TNHH Bách Bằng	Thôn Mỹ Trang, xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ	1,42	58.537	30.000	
30	05/GP-UBND, ngày 09/8/2013	Đất làm VLSS	Công ty TNHH VSIP Quảng Ngãi	Thôn Thế Lợi, xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh	64,1728	8.169.189	499.000	
31	49/GP-UBND ngày 14/10/2015	Đất làm VLSS	Cty CP ĐT 706	Núi Làng, thôn Hòa Bình, xã Tịnh Ấn Đông	5,5	270.000	90.000	

32	19/GP-UBND ngày 25/3/2016	Đất làm VLSL	DNTN Quảng Thành	Gò Dê- Tỉnh Ấn Đông, thành phố Quảng Ngãi	2,502	113.341	40.000	
33	41/GP-UBND ngày 11/9/2015	Đất làm VLSL	Công ty TNHH XL và TM Xuân Phát	Núi Đoài, thôn Khánh Lâm, xã Tịnh Thiện, thành phố Quảng Ngãi	4,2	234.732	85.000	Hết phép đang xin gia hạn
34	22/GP-UBND ngày 7/4/2016	Đất làm VLSL	Công ty TNHH Phước Lộc	Thôn Tây, xã Tịnh Sơn, huyện Sơn Tịnh	3,0	161.043	60.000	
35	63/GP-UBND ngày 13/9/2016	Đất làm VLSL	Công ty TNHH Lộc Thịnh	Liên Trì, xã Bình Hiệp, huyện Bình Sơn	2,05	120.539	44.500	
36	76/GP-UBND ngày 30/11/2016	Đất làm VLSL	Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Bảo Châu	Thôn Trì Bình, xã Bình Nguyễn, huyện Bình Sơn	1,1	61.070	45.000	Gia hạn tại Giấy phép số 42/GP- UBND ngày 21/6/2 018
37	53/GP-UBND ngày 03/8/2018	Đất làm VLSL	Công ty CP ĐT XD Thiên Tân	Núi Tân An, thôn Khánh Lâm, xã Tịnh Thiện, huyện Sơn Tịnh	2,3	193.186	96.000	
38	04/GP-UBND ngày 22/1/2018	Đất làm VLSL	Công ty CP Đầu tư 706	Núi Hồ Ao, thôn Lệ Thủy, xã Tịnh Châu, thành phố Quảng Ngãi	3,787	348.059	95.000	Dự án
39	08/GP-UBND ngày 12/02/2018	Đất làm VLSL	DNTN XD và TC Cơ giới Việt Linh	Núi Gò Lau, Tổ dân phố 3, thị trấn Mộ Đức, huyện Mộ Đức	5,0	220.573	95.000	Dự án
40	15/GP-UBND ngày 14/3/2018	Đất làm VLSL	Công ty TNHH Anh Cường	Thôn Trì Bình, xã Bình Nguyễn, huyện Bình Sơn	3,6	432.913	220.000	Dự án

41	24/GP-UBND ngày 27/3/2018	Đất làm VLSL	Công ty TNHH TM VT Hàn Nga	Núi Giữa, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh	0,89	30.439	15.000	Dự án
41	22/GP-UBND ngày 27/3/2018	Đất làm VLSL	Công ty TNHH TM VT Hàn Nga	Núi Ngang, thôn Hà Trung và Hà Nhai, xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	3,5	158.335	50.000	Dự án
43	36/GP-UBND ngày 07/6/2018	Đất làm VLSL	Công ty TNHH Trọng Thư	Thôn Hiền Văn, xã Phò Hòa, huyện Đức Phổ	1,494	68.152	40.000	
44	38/GP-UBND ngày 11/6/2018	Cát đồi làm VLSL	Công ty TNHH MTV 19/5	Thôn Châu Me, xã Bình Châu, huyện Bình Sơn	5,96	324.681	108.227	
45	56/GP-UBND ngày 03/8/2018	Đất làm VLSL	Công ty TNHH MTV Chiêu Kỳ	Thôn Phước Thọ 1, xã Bình Phước, huyện Bình Sơn	5,0	446.835	140.000	
46	62/GP-UBND ngày 19/9/2018	Đất làm VLSL	Công ty TNHH Hoàng Hải	Núi Tân An, thôn Khánh Lâm, xã Tịnh Thiện, thành phố Quảng Ngãi	2,82	140.000	98.000	Gia hạn Giấy phép số 86/GP- UBND ngày 28/12/ 2016
47	69/GP-UBND ngày 07/11/20218	Đất làm VLSL	Công ty TNHH Lý Tuấn	Đông Cây Dừa, xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn	3,0	493.145	90.000	
48	68/GP-UBND ngày 02/11/2018	Đất làm VLSL	Công ty CP ĐT Bất động sản nam Khang Miền Trung	Núi Văn Bân, thôn 4, xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức	7,7	462.544	220.000	
49	73/GP-UBND ngày 13/12/2018	Cát làm VLSL	Công ty CP Đầu tư Xây dựng 108 Trường Thành	Sông Phú Thọ, xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi	6,78	119.857,91	119.857,91	

50	01/GP-UBND ngày 5/1/2017	Đá chế làm VLXD thông thường	Công ty TNHH Anh thông	Núi Dê, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tĩnh	1	2.000	1.000	
51	02/GP-UBND ngày 11/1/2017	Đá làm VLXD thông thường	CN Công ty TNHH MTV XD IDICO	Núi Đầu Voi, xã Tịnh Khê và xã Tịnh Long, thành phố Quảng Ngãi	6,5	448.042	15.000	
52	33/GP-UBND ngày 29/5/2017	Đá làm VLXD thông thường	Công ty CP ĐT XD Minh Đức	Xã Bình Đông, huyện Bình Sơn	6,1	788.500	80.000	
53	32/GP-UBND ngày 29/5/2017	Đá làm VLXD thông thường	Công ty TNHH khai thác Hưng Thịnh	Thôn Đông Bình, xã Bình Chánh, huyện Bình Sơn	5,36	648.456	60.000	
54	55/GP-UBND ngày 17/8/2017	Đá làm VLXD thông thường	Công ty CP Phát triển bất động sản phát Đạt	Bình Đông 1, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn	9,6	496.177	50.000	
55	22/GP-UBND ngày 21/3/2017	Đá làm VLXD thông thường	Cty CP QL và XD ĐB Bình Định	Đèo Bình Đê, xã Phò Châu, huyện Đức Phổ	3,8	343.014	20.000	
56	30/GP-UBND ngày 15/5/2017	Đá làm VLXD thông thường	Công ty TNHH Xây dựng Đồng Tâm	Trà Dinh, Trà Lãnh, huyện Tây Trà	1,94	210.901	20.000	
57	311/QĐ-UB, ngày 27/01/03	Đá làm VLXD thông thường	C.ty Cổ phần đá Mỹ Trang	Mỹ Trang, xã Phò Hoà - Đức Phổ	30		98.000	
58	85/GP-UBND ngày 28/12/2016	Đá làm VLXD thông thường	C.ty Cổ phần Xây dựng 47	Đèo Bình Đê, xã Phò Châu, huyện Đức Phổ	3,59	527.210	50.000	
59	1591/QĐ- UBND, ngày 05/7/06	Đá làm VLXD thông thường	C.ty QL và SC đường bộ Quảng Ngãi	Phò Phong, xã Phò Phong, huyện Đức Phổ	6,5		62.500	
60	2162/QĐ- UBND, ngày 03/8/05	Đá làm VLXD thông thường	Cty CP Khoáng sản Đầu tư và Sài Gòn	Chập Tối, xã Bình Mỹ, huyện Bình Sơn	27		100.000	

61	486/QĐ-UBND ngày 09/4/2017	Đá làm VLXD thông thường	Công ty CP XD & Khai thác VLXD Miền Trung	Thôn Phước Hòa, xã Bình Trị, huyện Bình Sơn	6,9		178.760	
62	418/QĐ-UBND ngày 27/11/14	Đá làm VLXD thông thường	C.ty CPPT Cơ sở Hạ tầng Quảng	Bình Thanh, xã Bình Thanh Đông, huyện Bình Sơn	4,57		40.000	
63	1988/QĐ- UBND, ngày 27/11/2012	Đá làm VLXD thông thường	Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	Thôn Thọ Bắc, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh	21,8		180.000	
64	1737/QĐ- UBND, ngày 23/10/08	Đá làm VLXD thông thường	Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	Thôn Tri Bình, xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn.	6,2		49.000	
65	1967/QĐ- UBND, ngày 07/11/08	Đá làm VLXD thông thường	Xí nghiệp 309 - Công ty TNHH MTV ĐTXD Vạn Tường	Núi Chóp Chài, xã Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh	7,25		49.000	
66	06/GP-UBND, ngày 18/10/2013	Đá làm VLXD thông thường	C.ty Cổ phần 20/7	Thôn 3, xã Trà Thủy, huyện Trà Bồng	1,285	125.000	15.000	
67	1865/QĐ- UBND, ngày 10/11/09	Đá làm VLXD thông thường	C.ty TNHH Đại Long	An Hội, xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	30		110.000	
68	518/QĐ-UBND, ngày 02/4/10	Đá làm VLXD thông thường	C.ty CP ĐT XD Tân Ốc Đào	Bình Nguyên, xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn	6,85		170.000	
69	55/GP-UBND, ngày 03/12/2015	Đá làm VLXD thông thường	Công ty CP ĐT Năm Bảy Bảy	Núi Máng, xã Nghĩa Phương, huyện Tư Nghĩa	4,4	53.247,9	5.300	
70	1417/QĐ- UBND, ngày 20/10/10	Đá làm VLXD thông thường	C.ty Cp XD Đô thị và Khu Công nghiệp	Thượng Hòa, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn	11,2		100.000	
71	1000/QĐ- UBND, ngày 23/7/10	Đá làm VLXD thông thường	Cty XD TM Sông Vệ	Hòn Gai, xã Nghĩa Thuận, huyện Tư Nghĩa	19,9		150.000	

72	61/GP-UBND ngày 01/9/2016	Đá làm VLXD thông thường	Cty TNHH MTV Hoàng Nguyên Hải	Vạn Lý, xã Phổ Phong, huyện Đức Phổ	6	2.087.290	50.000	
73	1005/QĐ- UBND 05/7/2012	Đá làm VLXD thông thường	Công ty TNHH Thành Long	xã Bình Thanh Đông- Bình Hòa, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	8,5		110.000	
74	11/GP-UBND, ngày 6/3/2015	Đá làm VLXD thông thường	Công ty CP LICOGI Quảng Ngãi	Núi Cà Ty, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh	18	3.600.000	130.000	
75	31/GP-UBND, ngày 9/7/2015	Đá làm VLXD thông thường	Công ty CP XD Công trình Quảng Ngãi	Thế Lợi, xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh	4,6	551.815	45.000	
76	05/GP-UBND ngày 19/1/2016	Đá làm VLXD thông thường	Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Long	BaZan đèo Bà Tế, xã Tịnh Hòa, thành phố Quảng Ngãi	3,3	325.522	40.000	
77	21/GP-UBND ngày 6/4/2016	Đá làm VLXD thông thường	Công ty CP XD Giao thông Quảng Ngãi	Hóc Kè, xã Ba Động, huyện Ba Tơ	2	527.210	50.000	
78	24/GP-UBND ngày 8/4/2016	Đá làm VLXD thông thường	Công ty CP TM ABH Thiên Tân	Phước Hoà, xã Bình Trị, huyện Bình Sơn	14,9	2.222.222	200.000	
79	52/GP-UBND, 25/7/2016	Đá làm VLXD thông thường	Công ty TNHH MTV TM và ĐT AN Phú Vinh Quảng Ngãi	Thôn Tri Bình, xã Bình Nguyễn, huyện Bình Sơn.	8,434	1.916.383,2 2	100.000	
80	60/GP-UBND ngày 06/9/2018	Đá làm VLXD thông thường	Công ty Cổ phần 504	Gò Bè, xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh	5,4	503.337	48.000	

Phụ lục 3



BẢNG SỐ LIỆU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐỐI VỚI GIẤY PHÉP UBND TỈNH CẤP NĂM 2019

theo Báo cáo số 31 /BC-UBND ngày 26 /02/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Số Quyết định	Ngày cấp	Loại khoáng sản	Diện tích khu vực thăm dò (ha)	Vị trí hành chính khu vực được cấp phép	Ghi chú
1	09/GP-UBND	22/02/2018	Đá làm VLXD thông thường	11,1	Phước Hòa 2, xã Bình Trị và Bình Đông, huyện Bình Sơn	
2	57/GP-UBND	23/8/2018	Đá làm VLXD thông thường	5,17	Khu vực đoạn cuối tuyến Tri Bình – Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn	
3	58/GP-UBND	27/8/2018	Đá làm VLXD thông thường	11,0	Xã Bình Đông, huyện Bình Sơn	